

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
Công trình: SỬA CHỮA TRẠM XỬ LÝ VÀ ĐƯỜNG ỐNG
NHÀ MÁY NƯỚC PHƯỚC THUẬN**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Sửa chữa Trạm xử lý và đường ống Nhà máy nước Phước Thuận;

Căn cứ Quyết định số 6691A/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Sửa chữa Trạm xử lý và đường ống Nhà máy nước Phước Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD & PTQĐ huyện tại Tờ trình số 17/TTr-BQL ngày 25/7/2022 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 433/TTr-TCKH ngày 08/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

+ Tên công trình: Sửa chữa Trạm xử lý và đường ống Nhà máy nước Phước Thuận.

+ Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD & PTQĐ huyện;

+ Địa điểm xây dựng: xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

+ Nguồn vốn: Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác

+ Thời gian khởi công - hoàn thành: 05/2019 - 06/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được duyệt
Tổng số		11.392.236.000	11.127.536.000
1	Chi phí xây lắp + thiết bị	10.250.078.000	10.110.791.000
2	Quản lý dự án	226.803.000	224.516.000
3	Tư vấn	691.297.000	672.385.000
4	Chi phí khác	134.058.000	42.614.000
5	Chi phí đền bù GPMB	90.000.000	77.230.000

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

S T T	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng số	11.392.236.000	11.127.536.000	11.084.922.000	42.614.000	-
1	Vốn đầu tư công	11.392.236.000	11.127.536.000	11.084.922.000	42.614.000	-
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	11.392.236.000	11.127.536.000	11.084.922.000	42.614.000	-
-	Vốn ngân sách trung ương					
-	Vốn ngân sách địa phương	11.392.236.000	11.127.536.000	11.084.922.000	42.614.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					
2	Vốn khác	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi
Tổng số			11.127.536.000	
1. Tài sản dài hạn (TS cố định)			11.127.536.000	
2. Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư :

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	11.127.536.000	
1	Vốn đầu tư công	11.127.536.000	
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	11.127.536.000	
-	Vốn ngân sách trung ương		
-	Vốn ngân sách địa phương	11.127.536.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		
2	Vốn khác		

- Tổng các khoản công nợ đến ngày 08/8/2022, trong đó:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 42.614.000 đồng.

Trong đó:

- Phòng Tài chính - KH huyện (thẩm tra QT): 42.614.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
1	2	3
Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện	11.127.536.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Căn cứ số liệu quyết toán được phê duyệt, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện các nghiệp vụ cấp phát, thanh toán, hạch toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện, Trưởng ban Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 ;
- Lưu hồ sơ (3) ;
- Lưu : VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân